

**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN  
ĐÔNG ANH – CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 – 35

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Văn Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Công	Ủy viên
Ông Hồ Đức Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Nghiêm Lĩnh	Ủy viên
Ông Trần Hữu Ánh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 14/5/2015)
Ông Nguyễn Văn Giang	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 14/5/2015)

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Ngô Trần Hoàn	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 14/5/2015)
Bà Bùi Thị Hằng Nga	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 14/5/2015)
Ông Phạm Ngọc Kha	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14/5/2015)
Ông Cao Xuân Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 14/5/2015)
Bà Lê Thị Thùy Anh	Thành viên

#### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Văn Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đức Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Diễm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30/4/2015)
Ông Nguyễn Vũ Cường	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/5/2015)

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chúng tôi công bố rằng, Báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



**Trần Văn Quang**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
**kiêm Tổng Giám đốc**  
Ngày 18 tháng 3 năm 2016

89-0  
IG TY  
EM H  
A TO  
T.Y  
NHAN  
NỘ  
Y-T



**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 7, Tòa nhà Lotus, Số 2 Đường Duy Tân  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: +844 3795 5353 | Fax: +844 3795 5252  
www.rsm.com.vn | dtl\_hanoi@rsm.com.vn

Số. 17/2016/DTLHN - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

V/V: Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông  
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 06 đến trang 35.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Lê Văn Hoài**

**Giám đốc Kiểm toán**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0023-2013-026-1

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2016

**Hoàng Thị Vinh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2013-026-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.243.702.029.681</b>	<b>923.198.215.411</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>63.351.390.815</b>	<b>71.705.433.730</b>
1. Tiền	111		63.351.390.815	71.705.433.730
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>556.886.112.993</b>	<b>281.759.919.513</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	493.585.083.053	248.083.185.002
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	77.439.120.326	32.234.970.402
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	4.4	14.673.342.519	15.673.342.519
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.964.306.261	2.872.596.119
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(31.775.739.166)	(17.104.174.529)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>621.069.692.631</b>	<b>564.302.726.956</b>
1. Hàng tồn kho	141		621.069.692.631	564.302.726.956
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.394.833.242</b>	<b>5.430.135.212</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	4.312.355.194
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	2.394.833.242	1.117.780.018
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>87.416.334.496</b>	<b>89.200.067.926</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>450.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	450.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>65.921.936.598</b>	<b>69.421.470.028</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	65.821.936.590	69.207.303.354
Nguyên giá	222		207.025.159.167	197.116.825.473
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(141.203.222.577)	(127.909.522.119)
2. Tài sản cố định vô hình	227		100.000.008	214.166.674
Nguyên giá	228		655.000.000	655.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(554.999.992)	(440.833.326)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.165.800.000</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.165.800.000	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>19.328.597.898</b>	<b>19.328.597.898</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251	4.9	16.232.483.898	16.232.483.898
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.10	3.096.114.000	3.096.114.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.331.118.364.177</b>	<b>1.012.398.283.337</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**  
 Tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.044.291.175.478</b>	<b>724.527.967.729</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.044.291.175.478</b>	<b>724.527.967.729</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	124.871.661.206	84.509.262.703
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	176.634.114.814	81.473.935.609
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	18.449.411.665	7.646.394.375
4. Phải trả người lao động	314		4.509.374.243	7.770.613.333
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	9.564.394.513	10.103.169.785
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	677.951.716.916	504.745.140.886
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.16	29.152.782.596	28.159.703.100
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.157.719.525	119.747.938
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.17</b>	<b>286.827.188.699</b>	<b>287.870.315.608</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>270.293.249.830</b>	<b>267.846.288.739</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.957.060.000	108.957.060.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.957.060.000	108.957.060.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.284.860.000	20.284.860.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	-	1.360.000.000	1.360.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.433.489.416	22.485.737.538
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		72.818.307.280	72.818.307.280
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.159.533.134	44.660.323.921
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.215.965.406	24.601.522.952
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		27.943.567.728	20.058.800.969
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>16.533.938.869</b>	<b>20.024.026.869</b>
1. Nguồn kinh phí	431		16.533.938.869	20.024.026.869
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.331.118.364.177</b>	<b>1.012.398.283.337</b>



Trần Văn Quang  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Phạm Xuân Thành  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiếu  
 Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2015	Năm 2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.690.551.677.367	1.096.329.132.511
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>10</b>	<b>5.1</b>	<b>1.690.551.677.367</b>	<b>1.096.329.132.511</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.420.206.990.294	888.824.705.253
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>20</b>		<b>270.344.687.073</b>	<b>207.504.427.258</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		662.032.107	323.964.342
7. Chi phí tài chính	22	5.3	38.567.154.970	30.885.804.754
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.183.632.397	28.708.813.729
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	92.490.425.985	53.523.238.351
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	95.733.414.709	94.676.886.513
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>44.215.723.516</b>	<b>28.742.461.982</b>
11. Thu nhập khác	31	5.6	5.706.763.928	6.603.241.227
12. Chi phí khác	32	5.7	2.297.970.014	3.558.632.479
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>3.408.793.914</b>	<b>3.044.608.748</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>47.624.517.430</b>	<b>31.787.070.730</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	10.680.949.702	11.728.269.761
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>36.943.567.728</b>	<b>20.058.800.969</b>



Trần Văn Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Phạm Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiếu  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2015	Năm 2014 (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.8	47.624.517.430	31.787.070.730
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	5.9	13.598.237.374	14.537.375.383
- Các khoản dự phòng	03	5.9	14.671.564.637	1.575.361.369
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	5.3	2.575.075.826	587.183.866
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(486.852.675)	(243.672.267)
- Chi phí lãi vay	06	5.3	34.183.632.397	28.708.813.729
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		112.166.174.989	76.952.132.810
- (Tăng) các khoản phải thu	09		(286.273.838.067)	(467.974.748)
- (Tăng) hàng tồn kho	10		(56.766.965.675)	(166.469.433.839)
- Tăng các khoản phải trả	11		124.933.323.425	16.041.647.277
- Lãi tiền vay đã trả	13		(34.355.397.231)	(28.383.686.470)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	5.8	(10.246.754.802)	(17.395.912.292)
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		4.17	-	8.964.000.000
- Chi sự nghiệp		4.17	(3.490.088.000)	(2.295.700.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.17	-	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(154.033.545.361)	(113.554.927.262)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(12.264.503.944)	(9.992.705.890)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TSDH khác	22	5.6	-	3.412.668
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		486.852.675	240.259.599
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.777.651.269)	(9.749.033.623)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay (i)	33		1.461.082.993.031	1.058.697.192.945
2. Tiền trả nợ gốc vay (i)	34		(1.287.876.417.001)	(891.781.181.976)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.730.113.275)	(13.652.786.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		157.476.462.755	153.263.224.219
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		(8.334.733.875)	29.959.263.334
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	71.705.433.730	41.884.635.597
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(19.309.040)	(138.465.201)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	63.351.390.815	71.705.433.730

(i): Tiền thu từ đi vay và trả nợ gốc vay hàng năm thực hiện theo kế ước vay thông thường.



Trần Văn Quang  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Phạm Xuân Thành  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiếu  
 Người lập

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần (trước đây là Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh) được chuyển đổi từ Công ty Sản xuất Thiết bị điện, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Quyết định số 140/2004/QĐBCN ngày 22/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103008085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/6/2005.

Từ khi thành lập Công ty thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 10 lần. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10 ngày 07 tháng 8 năm 2014, Công ty tăng vốn điều lệ từ 94.837.150.000 VND lên 108.957.060.000 VND, chia thành 10.895.706 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần. Cổ đông chính của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) chiếm 46,29% vốn điều lệ và các cổ đông khác nắm giữ 53,71% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ 26, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có hai Công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn như sau:

- Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC; và
- Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 739 người (Tại ngày 31/12/2014 là 759 người).

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất máy biến áp, dây điện, vật tư, vật liệu, kỹ thuật điện và các sản phẩm thiết bị điện đến 500kV;
- Lắp đặt, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa, trung đại tu, cải tạo các loại thiết bị điện đến 500kV, các thiết bị cơ nhiệt, cơ thủy đến 250 ata;
- Thí nghiệm điện, chế tạo, cung cấp thiết bị và tư vấn xây dựng các phòng thí nghiệm điện cao áp; và
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị, hàng hoá công nghiệp và dân dụng.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngoài Báo cáo tài chính riêng này, Công ty còn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”). Người sử dụng nên đọc Báo cáo tài chính riêng này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

#### **2.2 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

#### 3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Trong năm, Công ty đã lần đầu tiên áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp" thay thế cho Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ngoài ra, các thay đổi này yêu cầu phân loại và trình bày lại một số số liệu của Báo cáo tài chính năm 2014 được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 6.4 "Số liệu so sánh".

#### 3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân sau từng lần nhập xuất, thành phẩm xác định theo giá đích danh và bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.5 Hàng tồn kho (Tiếp)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### 3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 25
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.7 Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư được trừ vào giá gốc của khoản đầu tư.

### 3.8 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.9 Ghi nhận doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển giao quyền sở hữu cho người mua.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Thu nhập khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### 3.10 Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để phân chia lợi nhuận.

### 3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.12 Thuế

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Năm 2015, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

#### Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

• Bán thành phẩm máy biến áp	10%
• Dịch vụ sửa chữa	10%
• Dịch vụ vận chuyển	10%
• Bán hàng hóa, vật tư	10%
• Các dịch vụ khác	10%

#### Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 3.13 Công cụ tài chính

#### Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

##### Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.13 Công cụ tài chính (Tiếp)**

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

##### **Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Tiền mặt	11.720.304.743	13.805.580.745
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	51.631.086.072	57.899.852.985
<b>Cộng</b>	<b>63.351.390.815</b>	<b>71.705.433.730</b>

**4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
<b>Tổng phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>493.585.083.053</b>	<b>248.083.185.002</b>
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>355.811.365.630</b>	<b>133.898.483.090</b>
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	2.208.573.154	1.394.855.406
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	-	6.157.102.848
Phải thu các công ty thuộc TĐ Điện lực VN	353.602.792.476	126.346.524.836
Trong đó:		
Ban Quản lý Dự án Lưới điện - Tổng Công ty ĐL Miền Trung	33.282.053.715	-
Ban Quản lý Dự án Lưới điện TP Hồ chí Minh	25.284.232.032	1.590.944.064
Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội	50.794.998.076	25.472.314.491
Công ty Lưới điện Cao thế miền Bắc	45.198.845.135	28.749.861.735
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	62.290.484.755	-
Công ty Truyền tải điện 1	13.969.688.469	14.535.115.696
Công ty Truyền tải điện 2	22.857.947.200	-
Công ty Truyền tải điện 4	6.901.989.423	16.573.932.258
Công ty Lưới điện Cao thế miền Nam	28.400.658.720	-
Công ty Điện lực Bắc Ninh	13.890.170.000	-
Các công ty khác thuộc EVN	50.731.724.951	39.424.356.592
<b>Phải thu các Công ty khác</b>	<b>137.773.717.423</b>	<b>114.184.701.912</b>
Công ty CP Thủy điện Hồng Phát DAKMEK	20.922.756.594	15.894.666.989
Công ty CP điện Bảo Tân	6.019.550.577	6.047.537.700
Tổng Công ty CP XD CN Việt Nam	10.082.686.780	16.540.941.950
Công ty CP Sản xuất TBĐ Đông Anh - MEE	19.466.254.177	3.577.688.400
Các khách hàng khác	81.282.469.295	72.123.866.873
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(31.775.739.166)</b>	<b>(17.104.174.529)</b>
<b>Cộng</b>	<b>461.809.343.887</b>	<b>230.979.010.473</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
<b>Trả trước cho bên thứ ba</b>	<b>77.439.120.326</b>	<b>32.234.970.402</b>
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Thăng Long	3.400.000.000	3.400.000.000
Công ty TNHH Hợp tác Kinh tế Kỹ thuật Quốc tế Văn Sơn	-	3.618.643.680
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh - MEE	19.347.415.313	-
Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Tuấn Long	28.638.449.069	8.586.919.069
Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam Rusteel Trading Limited	9.340.320.000	7.696.906.222
Công ty Cổ phần Kiến trúc HOH	8.652.243.600	447.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 10	1.024.000.900	1.215.707.735
Shenyang Zhengqiao Trade Co., Ltd	1.215.707.735	-
Các nhà cung cấp khác	890.570.131	7.269.793.696
	4.930.413.578	
<b>Cộng</b>	<b>77.439.120.326</b>	<b>32.234.970.402</b>

**4.4 Phải thu nội bộ ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	8.352.795.994	9.352.795.994
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	6.320.546.525	6.320.546.525
<b>Cộng</b>	<b>14.673.342.519</b>	<b>15.673.342.519</b>

**4.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại) VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>459.215.732</b>	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện	459.215.732	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác bên thứ ba</b>	<b>2.505.090.529</b>	<b>2.872.596.119</b>
Cầm cố, ký quỹ ký cược ngắn hạn	4.044.521	13.866.897
Tạm ứng	1.616.114.000	1.656.464.214
Phải thu khác	884.932.008	1.202.265.008
Công ty Cổ phần Cơ điện Đông Anh	430.000.000	430.000.000
Các khoản phải thu khác	454.932.008	772.265.008
<b>Cộng</b>	<b>2.964.306.261</b>	<b>2.872.596.119</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.6 Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có khả năng thu hồi	Giá gốc	Giá trị có khả năng thu hồi
Khoản nợ phải thu quá hạn	40.093.783.063	8.318.043.897	21.914.217.566	4.810.043.037
<i>Trong đó</i>				
<i>Cty CP Vietronics Công nghiệp</i>	5.305.419.785	-	-	-
<i>Công ty CP Điện Bảo Tân</i>	6.019.550.577	-	6.019.550.577	4.810.043.037
<i>Công ty CP Thủy điện Hồng Phát DAKMEK</i>	15.894.666.989	-	15.894.666.989	-
<i>Công ty CP Cơ khí Thiết bị điện Hà Nội - Thủy điện</i>	9.556.171.273	8.318.043.897	-	-
<i>Cty CP Cơ điện Đông Anh (110)</i>	308.609.375	-	-	-
<i>Tổng Cty CP XD CN Việt Nam</i>	3.009.365.064	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40.093.783.063</b>	<b>8.318.043.897</b>	<b>21.914.217.566</b>	<b>4.810.043.037</b>

Dự phòng phải thu khó đòi và xác định nợ xấu được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**4.7 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	264.867.721.951	-	167.680.798.628	-
Công cụ, dụng cụ	271.437.476	-	294.385.728	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	283.892.990.866	-	191.392.912.343	-
Thành phẩm	70.833.256.124	-	204.934.630.257	-
Hàng hóa	1.204.286.214	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>621.069.692.631</b>	<b>-</b>	<b>564.302.726.956</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	47.103.498.018	103.657.145.276	29.176.105.034	17.180.077.145	197.116.825.473
Mua sắm mới	-	10.098.703.944			10.098.703.944
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(190.370.250)		(190.370.250)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>47.103.498.018</b>	<b>113.755.849.220</b>	<b>28.985.734.784</b>	<b>17.180.077.145</b>	<b>207.025.159.167</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	35.241.344.306	59.658.124.856	18.301.709.820	14.708.343.137	127.909.522.119
Trích khấu hao	1.464.627.322	8.668.406.080	2.202.132.569	1.148.904.737	13.484.070.708
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(190.370.250)		(190.370.250)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>36.705.971.628</b>	<b>68.326.530.936</b>	<b>20.313.472.139</b>	<b>15.857.247.874</b>	<b>141.203.222.577</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	11.862.153.712	43.999.020.420	10.874.395.214	2.471.734.008	69.207.303.354
Tại ngày 31/12/2015	10.397.526.390	45.429.318.284	8.672.262.645	1.322.829.271	65.821.936.590

Tại ngày 31/12/2015, nguyên giá của các TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 72.076.618.050 VND (Tại ngày 31/12/2014 là 52.079.689.949 VND). Không có tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay của ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.9 Đầu tư vào Công ty con**

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	7.811.835.518	7.811.835.518
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	8.420.648.380	8.420.648.380
<b>Cộng</b>	<b>16.232.483.898</b>	<b>16.232.483.898</b>

**4.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	VND	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện lực	596.114.000	59.611	596.114.000	59.611
Công ty Cổ phần DV SC Nhiệt điện Miền Bắc	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000	250.000
<b>Cộng</b>	<b>3.096.114.000</b>	<b>309.611</b>	<b>3.096.114.000</b>	<b>309.611</b>

Các khoản đầu tư này là các khoản đầu tư vào các cổ phiếu chưa niêm yết. Tuy nhiên, không một khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn nào được lập do không có bằng chứng chắc chắn để xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
<b>Phải trả bên liên quan ngắn hạn</b>	<b>2.557.238.094</b>	<b>252.645.138</b>
Công ty TNHH MTV Thiết Bị Lưới Điện	1.126.259.834	-
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	1.430.978.260	252.645.138
<b>Phải trả bên thứ ba ngắn hạn</b>	<b>122.314.423.112</b>	<b>84.256.617.565</b>
Công ty Điện Tân thế kỷ Trùng Khánh	18.514.130.600	20.747.010.300
Công ty Anhui Anmec	-	2.079.045.175
Công ty TNHH Xây lắp & ĐT PT TM 15-2	2.371.240.000	2.467.240.000
Công ty TNHH Phát triển Kỹ thuật Việt Nam	8.023.645.630	7.329.851.973
Công ty TNHH ĐTTM Dịch vụ XNK Anh Phương	2.783.150.000	4.883.000.000
Công ty Cổ phần Extex Việt Nam	1.631.640.379	1.929.751.648
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngô Han tại Hà Nội	15.407.791.122	14.424.996.539
Công ty TNHH Vận tải Đa phương thức Việt Nam	6.210.000.010	980.713.710
Công ty Lưới điện Cao thế miền Nam	5.447.816.000	-
Faxolif Industries Pte Ltd	4.987.689.340	149.004.700
General M (Singapore) Pte LTD	16.054.617.867	1.777.576.128
Shaanxi JC Engineering & Trading Co., Ltd	8.635.186.700	-
Các nhà cung cấp khác	32.247.515.464	27.488.427.392
<b>Cộng</b>	<b>124.871.661.206</b>	<b>84.509.262.703</b>

Căn cứ vào tình hình tài chính của Công ty, Công ty có khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản phải trả người bán như đề cập ở trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
<b>Người mua trả trước - Bên liên quan</b>	<b>105.221.210.697</b>	<b>41.472.959.087</b>
Người mua trả trước trong TĐ Điện lực VN	105.221.210.697	41.472.959.087
Trong đó:		
Tổng Công ty Điện lực miền Bắc - NPC	31.833.015.261	18.788.941.200
Tổng Công ty Điện lực miền Nam	17.226.746.991	9.660.919.335
Ban QLDA Các công trình điện miền Nam	11.622.016.000	2.956.364.460
Công ty Lưới điện Cao thế MN - CN TCT ĐL MN	11.881.323.225	-
Công ty Lưới điện Cao thế miền Bắc	9.918.320.339	-
Người mua trả trước khác trong TĐ Điện lực VN	22.739.788.881	10.066.734.092
<b>Người mua trả trước - Bên thứ ba</b>	<b>71.412.904.117</b>	<b>40.000.976.522</b>
Công ty CP Cơ khí TBĐ Hà Nội - Thủy điện	9.556.171.273	7.311.452.273
Công ty TNHH NICE CERAMIC	10.529.666.666	-
Công ty TNHH MTV TM và DV Dầu khí biển	5.877.000.000	-
Công ty CP Điện lực Hà Nội	380.750.000	8.334.955.000
Các khách hàng khác	45.069.316.178	24.354.569.249
<b>Cộng</b>	<b>176.634.114.814</b>	<b>81.473.935.609</b>

**4.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2015 VND
<b>Thuế phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	194.624.771.205	186.214.567.643	8.360.732.586
Thuế TNDN	3.427.185.069	12.038.350.110	10.246.754.802	5.218.780.377
Thuế thu nhập cá nhân	2.725.191.972	5.270.748.440	4.559.781.336	3.436.159.076
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.121.037.342	3.510.472.309	3.347.172.342	1.284.337.309
Các loại thuế khác	372.979.992	3.000.000	226.577.675	149.402.317
<b>Cộng</b>	<b>7.646.394.375</b>	<b>215.447.342.064</b>	<b>204.594.853.798</b>	<b>18.449.411.665</b>
<b>Thuế phải thu Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng	49.470.976	-	(49.470.976)	-
Thuế nhập khẩu	1.061.973.042	11.207.611.270	12.539.415.470	2.393.777.242
Thuế tài nguyên	6.336.000	11.598.000	6.318.000	1.056.000
<b>Cộng</b>	<b>1.117.780.018</b>	<b>11.219.209.270</b>	<b>12.496.262.494</b>	<b>2.394.833.242</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
<b>Phải trả khác biên liên quan</b>	<b>5.558.255.575</b>	<b>5.046.809.850</b>
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.134.809.850	5.046.809.850
Phải trả các cổ đông khác cổ tức năm 2014	423.445.725	-
<b>Phải trả khác bên thứ ba</b>	<b>4.006.138.938</b>	<b>5.056.359.935</b>
Phải trả về cổ phần hóa	498.750.000	498.750.000
Kinh phí công đoàn	236.916.055	1.137.495.676
Bảo hiểm thất nghiệp	187.456.487	25.165.850
Phải trả khác	3.083.016.396	3.394.948.409
<i>Vật tư tạm nhập</i>	<i>71.400.000</i>	<i>-</i>
<i>Lãi tiền vay phải trả CBCNV</i>	<i>841.384.264</i>	<i>1.013.149.098</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>2.170.232.132</i>	<i>2.381.799.311</i>
<b>Cộng</b>	<b>9.564.394.513</b>	<b>10.103.169.785</b>

**4.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>570.091.033.137</b>	<b>407.537.880.386</b>
Ngân hàng Công thương Đông Anh	260.455.753.587	243.125.333.542
Ngân hàng Ngoại thương Đông Anh	128.642.218.239	142.177.500.193
Ngân hàng TMCP An Bình	102.216.728.172	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	78.776.333.139	22.235.046.651
<b>Vay cá nhân</b>	<b>107.860.683.779</b>	<b>97.207.260.500</b>
<b>Cộng</b>	<b>677.951.716.916</b>	<b>504.745.140.886</b>

Căn cứ vào tình hình tài chính của Công ty, Công ty có khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản vay như đề cập ở trên.

**4.16 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm (i)	10.843.448.273	10.996.376.635
Dự phòng quỹ tiền lương 17%	18.309.334.323	17.163.326.465
<b>Cộng</b>	<b>29.152.782.596</b>	<b>28.159.703.100</b>

(i): Công ty đang trích 5% giá trị các đơn hàng đã tiêu thụ trong thời hạn cam kết bảo hành đã ghi trong hợp đồng mua bán giữa hai bên với thời hạn bảo hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.17 Vốn chủ sở hữu**

**4.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác Vốn CHS	Quỹ đầu tư phát triển (Trình bày lại)	Nguồn KP chi sự nghiệp	LN chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2014	94.837.150.000	20.284.860.000	(1.360.000.000)	86.938.217.280	9.038.991.440	13.355.726.869	61.946.287.460	285.041.233.049
Tăng vốn trong năm	14.119.910.000	-	-	(14.119.910.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	20.058.800.969	20.058.800.969
Tặng khác	-	-	-	-	-	8.964.000.000	-	8.964.000.000
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(13.652.786.750)	(13.652.786.750)
Điều chuyển nguồn vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia các quỹ	-	-	-	-	16.565.105.803	-	(16.565.105.803)	-
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	-	-	(6.626.871.955)	(6.626.871.955)
Trích thưởng BĐH	-	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	3.118.359.705	(2.295.700.000)	-	(5.414.059.705)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>108.957.060.000</b>	<b>20.284.860.000</b>	<b>(1.360.000.000)</b>	<b>72.818.307.280</b>	<b>22.485.737.538</b>	<b>20.024.026.869</b>	<b>44.660.323.921</b>	<b>287.870.315.608</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>108.957.060.000</b>	<b>20.284.860.000</b>	<b>(1.360.000.000)</b>	<b>72.818.307.280</b>	<b>22.485.737.538</b>	<b>20.024.026.869</b>	<b>44.660.323.921</b>	<b>287.870.315.608</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	36.943.567.728	36.943.567.728
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(16.241.559.000)	(16.241.559.000)
Chia các quỹ	-	-	-	-	12.947.751.878	-	(12.947.751.878)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 và 2015 (ii)	-	-	-	-	-	-	(18.255.047.637)	(18.255.047.637)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.490.088.000)	-	(3.490.088.000)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>108.957.060.000</b>	<b>20.284.860.000</b>	<b>(1.360.000.000)</b>	<b>72.818.307.280</b>	<b>35.433.489.416</b>	<b>16.533.938.869</b>	<b>34.159.533.134</b>	<b>286.827.188.699</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)**

**4.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp)**

(i): Chia cổ tức năm 2014 theo Nghị quyết số 996/NQ-EEMC ngày 14/5/2015 đã được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

(ii): Chi tiết trích quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	<b>Số tiền VND</b>
Trích quỹ KTPL năm 2014 theo Nghị quyết số 996/NQ-EEMC ngày 14/5/2015	9.255.047.637
Tạm trích quỹ KTPL năm 2015 theo Quyết định số 415/QĐ-EEMC-TCKT ngày 31/12/2015	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.255.047.637</b>

**4.17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Theo Giấy chứng nhận ĐKDN		Số vốn đã góp	
	1000 VND	%	Tại ngày 31/12/2015 1000 VND	Tại ngày 01/01/2015 1000 VND
	<b>Cổ đông góp vốn</b>			
Tập đoàn ĐL Việt Nam	50.436.060	46,29%	50.436.060	50.436.060
Ông Nguyễn Văn Giang	7.758.400	7,12%	7.758.400	7.758.400
Các cổ đông khác	50.762.600	46,59%	50.082.600	50.082.600
Cổ phiếu quỹ			680.000	680.000
<b>Cộng</b>	<b>108.957.060</b>	<b>100%</b>	<b>108.957.060</b>	<b>108.957.060</b>

**4.17.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2015 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.895.706	10.895.706
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ phiếu phổ thông	10.895.706	10.895.706
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ phiếu phổ thông	68.000	68.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ phiếu phổ thông	10.827.706	10.827.706
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.18 Các khoản mục khác ngoài bảng cân đối kế toán riêng**

	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2015</u>	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2015</u>
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	9.547.922.550	9.547.922.550
2. Ngoại tệ các loại		
- USD	97.795,08	1.300.907,74
- EUR	2.564	38.835,42

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**5.1 Doanh thu**

	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.690.551.677.367</b>	<b>1.096.329.132.511</b>
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	1.551.283.435.399	991.095.654.083
Doanh thu cung cấp dịch vụ	139.268.241.968	105.233.478.428
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.690.551.677.367</b>	<b>1.096.329.132.511</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	1.324.748.030.688	804.319.676.519
Giá vốn cung cấp dịch vụ	95.458.959.606	84.505.028.734
<b>Cộng</b>	<b>1.420.206.990.294</b>	<b>888.824.705.253</b>

**5.3 Chi phí tài chính**

	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	34.183.632.397	28.708.813.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.383.522.573	2.176.991.025
<b>Cộng</b>	<b>38.567.154.970</b>	<b>30.885.804.754</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP)**

**5.4 Chi phí bán hàng**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí bảo hành sản phẩm	16.271.529.219	(19.052.526.358)
Chi phí vận chuyển	50.116.823.934	44.060.699.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.102.072.832	28.515.065.521
Trong đó:		
- Chi phí hoa hồng môi giới	23.524.438.275	24.167.984.354
- Chi phí quảng cáo	1.677.131.810	696.283.639
- Chi phí khác	900.502.747	3.650.797.528
<b>Cộng</b>	<b>92.490.425.985</b>	<b>53.523.238.351</b>

**5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	34.101.145.731	47.683.683.470
Chi phí vật liệu quản lý	5.250.143.740	2.814.943.118
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	231.199.047	51.657.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	544.742.922	732.497.534
Thuế và các khoản lệ phí	3.525.088.309	3.968.546.276
Chi phí dự phòng	14.671.564.637	1.575.361.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài		-
Chi phí bằng tiền khác	37.409.530.323	37.850.197.746
Trong đó:		
Chi phí tiếp khách, hội nghị	11.915.126.625	9.527.430.575
Chi phí đối ngoại	4.411.000.000	6.749.466.000
Phí bảo lãnh, phí CT, phí NH	5.187.943.160	3.110.788.295
Điện nước, VS	946.943.506	757.920.176
Công tác phí, vé máy bay	1.024.864.854	2.752.627.325
Chi phí khác	13.923.652.178	14.951.965.375
<b>Cộng</b>	<b>95.733.414.709</b>	<b>94.676.886.513</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP)**

**5.6 Thu nhập khác**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	3.412.668
Hỗ trợ lãi suất từ ngân hàng	5.697.852.988	4.780.942.593
Thu nhập khác	8.910.940	1.818.885.966
<b>Cộng</b>	<b>5.706.763.928</b>	<b>6.603.241.227</b>

**5.7 Chi phí khác**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Tiền thuế nhà thầu	997.716.072	-
Tiền phạt nộp thuế, điều chỉnh thuế	782.285.837	2.607.821.081
Khao hao vượt quy định	311.508.408	311.508.408
Chi phí khác	206.459.697	639.302.990
<b>Cộng</b>	<b>2.297.970.014</b>	<b>3.558.632.479</b>

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/ (lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp)**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>47.624.517.430</b>	<b>31.787.070.730</b>
<b>Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận</b>	<b>925.253.942</b>	<b>3.558.642.479</b>
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>925.253.942</i>	<i>3.558.642.479</i>
Cổ tức lợi nhuận được chia	(375.000.000)	-
Tiền thuế truy thu và phạt nộp chậm thuế	-	1.335.380.792
Chi phí khác	1.300.253.942	2.223.261.687
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Lợi nhuận sau điều chỉnh</b>	<b>48.549.771.372</b>	<b>35.345.713.209</b>
Lỗi tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>48.549.771.372</b>	<b>35.345.713.209</b>
Thuế suất (%)	22%	22%
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>10.680.949.702</b>	<b>7.776.056.906</b>
Điều chỉnh thuế TNDN thiếu các năm trước theo quyết toán thuế	-	3.952.212.855
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành ước tính</b>	<b>10.680.949.702</b>	<b>11.728.269.761</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.427.185.069	9.094.827.600
Thuế TNDN đã trả trong năm	(10.246.754.802)	(17.395.912.292)
Các khoản điều chỉnh khác	1.357.400.408	-
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>5.218.780.377</b>	<b>3.427.185.069</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	130.517.828.230	142.987.331.307
Chi phí nguyên vật liệu	1.244.952.266.059	686.857.445.201
Chi phí hàng hóa	6.917.200.766	3.515.140.875
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.598.237.374	14.537.375.383
Dự phòng phải thu khó đòi	14.671.564.637	1.575.361.369
Dự phòng phải trả - Bảo hành sản phẩm	16.271.529.219	(19.052.526.358)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.480.672.308	103.206.185.996
Chi phí bằng tiền khác	102.731.611.038	103.398.516.344
<b>Cộng</b>	<b>1.633.140.909.631</b>	<b>1.037.024.830.117</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Công cụ tài chính**

**6.1.1 Các loại công cụ tài chính**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.13 "Công cụ tài chính".

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại) VND
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>579.229.378.027</b>	<b>341.989.812.749</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.351.390.815	71.705.433.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	496.549.389.314	250.955.781.121
Đầu tư tài chính dài hạn	19.328.597.898	19.328.597.898
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>812.387.772.635</b>	<b>599.357.573.374</b>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn	677.951.716.916	504.745.140.886
Phải trả người bán và phải trả khác	134.436.055.719	94.612.432.488

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)**

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng và phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi mà chúng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Với hoạt động của mình, Công ty phải đối mặt với rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro này như sau:

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền có kỳ hạn.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Chi tiết các công cụ tài chính bằng ngoại tệ được trình bày trong bảng dưới đây:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)**

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)**

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	97.795,08	1.300.907,74
Phải thu khách hàng	USD	684.244,65	758.336,00
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả nhà cung cấp	USD	(2.227.751,09)	(1.148.406,62)
<b>Nợ phải trả tài chính thuần</b>	<b>USD</b>	<b>(1.445.711,36)</b>	<b>910.837,12</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	EUR	2.564,37	38.835,42
Phải thu khách hàng	EUR	-	-
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả nhà cung cấp	EUR	-	(4.500,00)
<b>Nợ phải trả tài chính thuần</b>	<b>EUR</b>	<b>2.564,37</b>	<b>34.335,42</b>

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty xác định và đánh giá có những khoản rủi ro tín dụng đáng kể từ khách hàng và đối tác. Rủi ro tín dụng được thể hiện một phần qua giá trị trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi như trình bày tại Thuyết minh số 4.2 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng". Công ty giảm thiểu các rủi ro tín dụng này bằng cách đưa ra các chính sách tín dụng phù hợp, tiếp tục đôn đốc và có các giải pháp để thu hồi số phải thu còn lại.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Qua đó, làm giảm rủi ro thanh khoản của Công ty và hiện tại, Công ty đang đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)**

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>599.357.573.374</b>	<b>-</b>	<b>599.357.573.374</b>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	504.745.140.886	-	504.745.140.886
Phải trả người bán và phải trả khác	94.612.432.488	-	94.612.432.488
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>812.387.772.635</b>	<b>-</b>	<b>812.387.772.635</b>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	677.951.716.916	-	677.951.716.916
Phải trả người bán và phải trả khác	134.436.055.719	-	134.436.055.719

**6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), các công ty thuộc Tập đoàn EVN, các công ty con của Công ty, các cổ đông góp vốn và các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư sau với các bên liên quan:

**Giao dịch với các bên liên quan**

**Mua hàng**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	15.940.818.565	7.827.494.079
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	22.659.488.179	17.681.820.499
Giá vốn hàng bán	22.659.488.179	17.681.504.918
Chi phí bán hàng	-	315.581
<b>Cộng</b>	<b>38.600.306.744</b>	<b>25.509.314.578</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

#### 6.2 Nghiệp vụ số dư bên liên quan (Tiếp)

##### *Bán hàng*

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	5.374.808.840	4.645.449.878
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	19.257.005.500	18.186.373.736
Bán hàng cho các Công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.250.002.475.359	667.776.182.736
<b>Cộng</b>	<b>1.274.634.289.699</b>	<b>690.608.006.350</b>

##### *Giao dịch chia cổ tức:*

Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.17 "Vốn chủ sở hữu".

##### *Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc*

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm 2015: 3.107.404.635 VND (Năm 2014 khoảng 3,624 tỷ VND).

##### *Số dư với các bên liên quan*

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 4.2 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh số 4.4 "Phải thu nội bộ ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.5 "Phải thu ngắn hạn khác"
- Thuyết minh số 4.9 "Đầu tư vào Công ty con"
- Thuyết minh số 4.11 "Phải trả người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.12 "Người mua trả tiền trước ngắn hạn"; và
- Thuyết minh số 4.14 "Phải trả ngắn hạn khác".

#### 6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

#### 6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội.

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của năm trước được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm nay, tuân thủ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp" thay thế cho Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.4 Số liệu so sánh (Tiếp)**

*Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán riêng*

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
1	Các khoản phải thu khác	1.202.265.008	1.670.331.111	2.872.596.119
2	Tài sản ngắn hạn khác	1.670.331.111	- 1.670.331.111	-
3	Phải thu dài hạn khác	-	450.000.000	450.000.000
4	Tài sản dài hạn khác	450.000.000	(450.000.000)	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	16.565.105.803	5.920.631.735	22.485.737.538
6	Quỹ dự phòng tài chính	5.920.631.735	(5.920.631.735)	-
	<b>Cộng</b>	<b>25.808.333.657</b>	<b>-</b>	<b>25.808.333.657</b>

*Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
1	Thu nhập khác	6.689.458.559	- 86.217.332	6.603.241.227
2	Chi phí khác	3.644.849.811	- 86.217.332	3.558.632.479

*Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng*

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
1	Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư (MS 05)	(329.889.599)	86.217.332	(243.672.267)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS DH khác (MS 22)	89.630.000	- 86.217.332	3.412.668



Trần Văn Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Phạm Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiếu  
Người lập